

Số: /2022/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về Công tham vấn và tra cứu quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2008 của Chính phủ quy định về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính;

Căn cứ Nghị định số 150/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định về Công tham vấn và tra cứu quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định nguyên tắc quản lý, vận hành, khai thác; yêu cầu chức năng đối với Công tham vấn và tra cứu quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, hiệp hội, doanh nghiệp trong việc quản lý, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu để tham vấn, tra cứu, rà soát, đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa và đánh giá nỗ lực cải cách quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trên Công tham vấn và tra cứu quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi tắt là bộ, cơ quan), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các tổ chức, cá nhân, hiệp hội, doanh nghiệp có liên quan đến việc quản lý, vận hành và khai thác Cổng tham vấn và tra cứu quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh (sau đây gọi tắt là quy định kinh doanh)* là toàn bộ các quy định pháp luật do cơ quan nhà nước, người **có thẩm quyền** ban hành hoặc được ủy quyền **hợp pháp** ban hành bắt buộc áp dụng đối với tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động kinh doanh, bao gồm các quy định về thủ tục hành chính; yêu cầu, điều kiện; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; thủ tục kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu và sản xuất, lưu thông trong nước; chế độ báo cáo; các quy định cấm trong hoạt động kinh doanh và các quy định khác liên quan đến hoạt động kinh doanh.

2. *Quy định kinh doanh hiện hành* là quy định đang có hiệu lực thi hành tại các văn bản quy phạm pháp luật.

3. *Quy định kinh doanh hết hiệu lực* là quy định đã hết hiệu lực thi hành trong các văn bản quy phạm pháp luật.

4. *Quy định kinh doanh dự kiến ban hành* là quy định được quy định trong các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

5. *Tham vấn quy định kinh doanh* là quá trình chia sẻ, tương tác, hỗ trợ và trao đổi giữa các bên để hiểu rõ bản chất vấn đề của quy định, các cách giải quyết và lựa chọn phương án giải quyết tối ưu.

6. *Cổng tham vấn và tra cứu quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh (sau đây gọi tắt là Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh)* là nơi tập trung thông tin, dữ liệu các quy định kinh doanh, phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước hoặc phạm vi giải quyết của các bộ, cơ quan được cập nhật, duy trì, quản lý, khai thác và sử dụng thông qua phương tiện điện tử để đáp ứng nhu cầu tra cứu, tìm kiếm, theo dõi, đánh giá, tham gia góp ý, gửi vướng mắc, đề xuất về quy định kinh doanh của các tổ chức, cá nhân, hiệp hội, doanh nghiệp.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, vận hành, khai thác Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh

1. Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh được quản lý tập trung,

thống nhất tại địa chỉ <https://quydinghkinhdoanh.gov.vn> và <https://thamvanquydingh.gov.vn>.

2. Tất cả các quy định kinh doanh (trừ các quy định kinh doanh trong các văn bản mật) thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan ngang bộ phải được cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh.

3. Thông tin, dữ liệu trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh được quản lý chặt chẽ, bảo đảm an toàn thông tin, lưu trữ lâu dài.

4. Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh được duy trì liên tục, ổn định, thông suốt đáp ứng yêu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về quy định kinh doanh của các bộ, cơ quan, tổ chức, cá nhân, hiệp hội, doanh nghiệp.

5. Bảo đảm quyền của các tổ chức, cá nhân được truy cập kịp thời, đầy đủ và sử dụng thông tin đúng mục đích trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh.

6. Không đăng tải các thông tin có nội dung bí mật nhà nước, vi phạm đạo đức xã hội, trái với thuần phong mỹ tục, trái với quy định của pháp luật trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh.

Điều 5. Yêu cầu chức năng đối với Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh

1. Cung cấp thông tin về quy định kinh doanh (bao gồm: quy định kinh doanh hiện hành, quy định kinh doanh mới ban hành, quy định kinh doanh hết hiệu lực và quy định kinh doanh dự kiến ban hành) theo chủ đề các tổ chức, cá nhân quan tâm; các phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của các bộ, cơ quan.

2. Hiện thị trực quan quy định kinh doanh hiện hành theo thời gian thực; hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, cơ quan quản lý nhà nước, người có thẩm quyền theo dõi, đánh giá sự thay đổi, biến động của quy định kinh doanh tại từng bộ, cơ quan quản lý.

3. Cung cấp công cụ để rà soát, tính chi phí tuân thủ quy định kinh doanh và để xây dựng phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh.

4. Cập nhật quy định kinh doanh dự kiến ban hành; công khai và tham vấn trực tuyến đối với tổ chức, cá nhân là đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của các quy định này.

5. Cung cấp các biểu mẫu báo cáo thống kê tương ứng với từng đối tượng tham gia hệ thống, hỗ trợ so sánh các số liệu tổng hợp theo khung thời gian, theo

kỳ báo cáo, theo bộ, cơ quan; hiển thị trực quan các số liệu tổng hợp phục vụ yêu cầu theo dõi, quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước.

6. Cấp tài khoản cho cá nhân, tổ chức để thực hiện tham vấn, gửi vương mắc, đề xuất sáng kiến, giải pháp tháo gỡ vương mắc, khó khăn trong thực hiện quy định kinh doanh.

7. Thông tin cho các bên về ý kiến tham vấn, ý kiến tiếp thu, giải trình và quan điểm của tổ chức, cá nhân, hiệp hội, doanh nghiệp về các quy định kinh doanh.

8. Cung cấp các tiện ích hỗ trợ người dùng trong quá trình khai thác, sử dụng Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh như tính năng hỏi - đáp; trả lời, nhắn tin tự động; các chức năng thông báo, cảnh báo; quản lý lịch sử truy cập, tìm kiếm và các chức năng khác theo nhu cầu của người dùng.

9. Ứng dụng các công nghệ hiện đại (dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo...) trong quản lý, xử lý, phân tích dữ liệu, tự động xác định các quy định có nội dung trùng lặp, các quy định chồng chéo hỗ trợ thống kê, rà soát quy định kinh doanh và đề xuất các phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh.

10. Tạo sự tương tác hai chiều giữa tổ chức, cá nhân với các bộ, cơ quan trong quá trình tham vấn về quy định kinh doanh và phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh hoặc xử lý vương mắc, đề xuất của cá nhân, tổ chức, hiệp hội, doanh nghiệp.

11. Công khai kết quả lấy ý kiến về quy định kinh doanh; phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh; kết quả đánh giá của tổ chức, cá nhân, hiệp hội, doanh nghiệp về nội dung phản hồi của các cơ quan quản lý nhà nước, người có thẩm quyền đối với những vấn đề đã lấy ý kiến.

12. Giám sát, đánh giá nỗ lực cải cách quy định kinh doanh tại từng bộ, cơ quan quản lý nhà nước dựa trên dữ liệu và theo thời gian thực.

13. Sử dụng nền tảng định danh và xác thực người dùng trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Phân quyền quản lý cho các bộ, cơ quan để chủ động cấp tài khoản đến từng công chức, người dùng của từng bộ, cơ quan; quản lý các danh mục dữ liệu dùng chung và quản lý quy định kinh doanh theo lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của từng bộ, cơ quan.

14. Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu với hệ thống quản lý văn bản và điều hành của các bộ, cơ quan; kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn, quy chuẩn, Công báo điện tử, Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của các bộ, ngành, địa phương, các cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin

khác có liên quan. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu thực hiện thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia.

Chương II

ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ TÀI KHOẢN, DANH MỤC DỮ LIỆU DÙNG CHUNG, THÔNG TIN, DỮ LIỆU TRÊN CỔNG THAM VẤN VÀ TRA CỨU QUY ĐỊNH KINH DOANH

Điều 6. Đăng ký tài khoản

1. Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh sử dụng tài khoản đã đăng ký trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Việc đăng ký tài khoản được quy định tại Khoản 2 Điều 9 Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 7. Đăng nhập, xác thực tài khoản

1. Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh thực hiện kết nối, tích hợp, đăng nhập một lần với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Việc đăng nhập tài khoản trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh thực hiện thông qua các phương thức quy định tại Điều 11 Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ. Sau khi tổ chức, cá nhân đăng nhập và xác thực thành công trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh không yêu cầu tổ chức, cá nhân đăng nhập, xác thực lại.

3. Việc xác thực tài khoản được quy định tại Điều 10 Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 8. Quản lý tài khoản và phân quyền tài khoản người dùng

1. Tài khoản đã đăng ký quy định tại Điều 6 của Quyết định này được quản lý theo quy định tại Điều 13 Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Các nhóm quyền áp dụng đối với từng người dùng, nhóm người dùng, gồm:

- a) Nhóm quản trị hệ thống: Quản trị tài khoản hệ thống;
- b) Nhóm quản trị danh mục: Quản trị danh mục dùng chung;
- c) Nhóm lãnh đạo: Phê duyệt nội dung cập nhật; phê duyệt kết quả rà soát;

d) Nhóm nhập liệu quy định hiện hành: Nhập liệu quy định hiện hành tương ứng đối với từng loại quy định (gồm: thủ tục hành chính; chế độ báo cáo; yêu cầu, điều kiện; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; kiểm tra chuyên ngành; quy định cấm và quy định khác trong hoạt động kinh doanh);

đ) Nhóm nhập liệu quy định dự kiến ban hành: Nhập liệu quy định dự kiến ban hành tương ứng đối với từng loại quy định (gồm: thủ tục hành chính; chế độ báo cáo; yêu cầu, điều kiện; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; kiểm tra chuyên ngành; quy định cấm và quy định khác trong hoạt động kinh doanh);

e) Nhóm rà soát quy định hiện hành: Rà soát quy định hiện hành tương ứng đối với từng loại quy định (gồm: thủ tục hành chính; chế độ báo cáo; yêu cầu, điều kiện; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; kiểm tra chuyên ngành; quy định cấm và quy định khác trong hoạt động kinh doanh);

g) Các nhóm quyền khác được tổ chức theo yêu cầu nghiệp vụ phát sinh trong quá trình quản lý, vận hành và khai thác Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh.

3. Văn phòng Chính phủ thực hiện phân quyền cho quản trị cấp bộ và các tổ chức, cá nhân liên quan để sử dụng, khai thác hệ thống.

4. Quản trị cấp bộ, cơ quan (do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan quyết định) thực hiện phân quyền và quản lý người sử dụng trong bộ, cơ quan mình.

Điều 9. Danh mục dữ liệu dùng chung

1. Các danh mục dữ liệu dùng chung của Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh được kết nối, chia sẻ với Cổng Dịch vụ công quốc gia, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, cơ quan bao gồm:

- a) Danh mục lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh;
- b) Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;
- c) Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;
- d) Danh mục hiệp hội;
- đ) Danh mục doanh nghiệp;
- e) Danh mục cơ quan;
- g) Danh mục chuyên gia;
- h) Các danh mục khác theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ.

2. Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh tự động đồng bộ các dữ liệu dùng chung từ các cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin đã được các bộ, cơ quan kết nối, chia sẻ.

Điều 10. Thông tin, dữ liệu được cung cấp trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh

1. Thông tin về các quy định kinh doanh quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quyết định này được sắp xếp, tìm kiếm theo lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh; theo sự kiện trong vòng đời của doanh nghiệp và các tiêu chí khác phục vụ nhu cầu tìm kiếm của tổ chức, cá nhân, hiệp hội, doanh nghiệp.

2. Thông tin tham vấn của cơ quan quản lý nhà nước về quy định kinh doanh bao gồm: tham vấn về quy định kinh doanh hiện hành, quy định kinh doanh dự kiến ban hành và phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh.

3. Thông tin về những vướng mắc trong thực hiện quy định kinh doanh và đề xuất giải pháp tháo gỡ của các tổ chức, cá nhân, hiệp hội, doanh nghiệp.

4. Thông tin về việc tiếp nhận, phản hồi của các cơ quan quản lý nhà nước đối với vướng mắc, đề xuất của các tổ chức, cá nhân, hiệp hội, doanh nghiệp về quy định kinh doanh.

5. Thông tin hiển thị trực quan các quy định kinh doanh theo số lượng quy định, chi phí tuân thủ của quy định kinh doanh thuộc phạm vi quản lý hoặc thuộc thẩm quyền giải quyết của từng bộ, cơ quan, trong từng lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh.

6. Thông tin xếp hạng, đánh giá về nỗ lực cải cách quy định kinh doanh của các bộ, cơ quan.

7. Thông tin hướng dẫn sử dụng, hỏi đáp thực hiện quy định kinh doanh.

8. Thông tin điều khoản sử dụng Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh.

9. Các thông tin khác theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Điều 11. Giá trị pháp lý của các thông tin, dữ liệu trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh

1. Thông tin quy định kinh doanh hiện hành được công khai trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh có giá trị pháp lý và được bảo đảm thi hành. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác và tính kịp thời của thông tin quy định kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý được cập nhật, đăng tải công khai trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh.

2. Các thông tin, dữ liệu do các nhân, tổ chức cung cấp trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh có giá trị như văn bản giấy và được các bộ, cơ quan nghiên cứu, tiếp thu, giải trình.

3. Thông tin, dữ liệu do bộ, cơ quan, người có thẩm quyền phản hồi được đăng tải công khai trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh là ý kiến

chính thức của bộ, cơ quan, người có thẩm quyền.

Điều 12. Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khi khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh

1. Khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu được cung cấp trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh phù hợp với mức độ an toàn theo hình thức xác thực khi đăng nhập.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung thông tin, dữ liệu do tổ chức, cá nhân gửi, đăng ký, cung cấp trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh, chỉ sử dụng Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh cho các mục đích hợp pháp và phải chịu trách nhiệm đối với các bên có liên quan khác về mọi hoạt động được thực hiện bằng tài khoản của mình.

3. Trường hợp sử dụng lại các nội dung thông tin trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh để đăng tải trên các phương tiện truyền thông phải thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm đảm bảo an toàn, an ninh và bảo mật thông tin khi tham gia quản trị, vận hành, khai thác, cập nhật dữ liệu trên hệ thống.

Điều 13. An toàn, an ninh thông tin

1. Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh bảo đảm tối thiểu cấp độ 3 về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016.

2. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ban Cơ yếu Chính phủ thực hiện các biện pháp giám sát, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Chương III

CẬP NHẬT, ĐĂNG TẢI THÔNG TIN, DỮ LIỆU VÀ THỰC HIỆN THAM VẤN TRÊN CỔNG THAM VẤN VÀ TRA CỨU QUY ĐỊNH KINH DOANH

Điều 14. Thông tin, dữ liệu cập nhật, đăng tải công khai trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh

1. Danh mục dữ liệu dùng chung là danh mục dữ liệu (gồm: danh mục tài khoản; danh mục cơ quan; danh mục lĩnh vực, ngành nghề; danh mục sản phẩm, hàng hóa; danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các danh mục dùng chung khác) được sử dụng chung cho tất cả các bộ, cơ quan.

2. Quy định kinh doanh hiện hành, quy định kinh doanh mới ban hành; quy định kinh doanh dự kiến ban hành thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước và phạm vi giải quyết của các bộ, cơ quan.

3. Kết quả rà soát và chi phí tuân thủ quy định kinh doanh hiện hành trước và sau rà soát được cập nhật, đăng tải để tham vấn ý kiến tổ chức, cá nhân, hiệp hội, doanh nghiệp về phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan.

4. Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

5. Nội dung tham vấn của các bộ, cơ quan, tổ chức, cá nhân, hiệp hội, doanh nghiệp về phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh hoặc quy định kinh doanh dự kiến ban hành.

6. Vướng mắc, đề xuất của các tổ chức, cá nhân, hiệp hội, doanh nghiệp về quy định kinh doanh và phản hồi của các bộ, cơ quan đối với các vướng mắc, đề xuất về quy định kinh doanh.

Điều 15. Quy trình cập nhật, đăng tải công khai danh mục dữ liệu dùng chung

1. Các bộ, cơ quan thực hiện cập nhật thêm mới đầy đủ các dữ liệu chưa có sẵn trên danh mục dữ liệu dùng chung. Trường hợp dữ liệu trong danh mục dữ liệu dùng chung đã hết hiệu lực, bộ, cơ quan cập nhật trạng thái hết hiệu lực (bãi bỏ) của dữ liệu tương ứng.

2. Danh mục dữ liệu dùng chung phải được các bộ, cơ quan cập nhật chậm nhất sau 3 ngày làm việc kể từ ngày văn bản quy định hoặc quyết định của cấp có thẩm quyền có hiệu lực, riêng danh mục sản phẩm, hàng hóa và danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, các bộ, cơ quan thực hiện cập nhật và đăng tải trước ngày văn bản quy định về sản phẩm, hàng hóa, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có hiệu lực, trừ trường hợp văn bản quy định có hiệu lực ngay thì cập nhật và đăng tải công khai chậm nhất sau 3 ngày làm việc kể từ ngày văn bản quy định có hiệu lực pháp luật.

Điều 16. Quy trình cập nhật và đăng tải công khai dữ liệu quy định kinh doanh

Nhóm người dùng được phân quyền nhập liệu thuộc bộ, cơ quan thực hiện cập nhật và đăng tải công khai dữ liệu quy định kinh doanh theo quy trình sau:

1. Đăng nhập vào hệ thống quản trị Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh (địa chỉ: <https://quantri.quydingkinhdoanh.gov.vn>) qua tài khoản đã được phân quyền.

3. Thực hiện cập nhật quy định kinh doanh trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh.

4. Kiểm tra, rà soát, đối chiếu để đảm bảo tính đầy đủ, chính xác của dữ liệu quy định kinh doanh trước khi trình Lãnh đạo phê duyệt, đăng tải và công khai trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh. Hệ thống hỗ trợ quy trình trả lại, sửa đổi, bổ sung đối với các thông tin, dữ liệu đã cập nhật.

6. Nội dung quy định kinh doanh đã được duyệt sau khi cập nhật sẽ tự động được đăng tải công khai trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Điều 17. Cập nhật, đăng tải công khai quy định kinh doanh mới ban hành, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ

Các bộ, cơ quan cập nhật và đăng tải công khai quy định kinh doanh trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh chậm nhất trước ngày văn bản quy định quy định kinh doanh có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp văn bản quy định có hiệu lực ngay tại thời điểm ban hành, bộ, cơ quan thực hiện cập nhật và đăng tải công khai quy định kinh doanh chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày văn bản quy định có hiệu lực. Thủ tục hành chính và thủ tục kiểm tra chuyên ngành phải được cập nhật và đăng tải, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính theo quy định pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính và được đồng bộ, công khai trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh.

1. Cập nhật quy định kinh doanh mới ban hành:

a) Bộ, cơ quan cập nhật quy định kinh doanh mới ban hành thực hiện thêm mới quy định kinh doanh, cập nhật nội dung yêu cầu trên hệ thống và lưu quy định kinh doanh theo nội dung được quy định tại văn bản quy định, riêng đối với thủ tục hành chính và thủ tục kiểm tra chuyên ngành mới được ban hành, bộ, cơ quan thực hiện cập nhật thủ tục hành chính mới được ban hành trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh sau khi đã công bố và đăng tải công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính. Việc cập nhật thủ tục kiểm tra chuyên ngành hoàn thành sau khi cập nhật đầy đủ các thông tin cần cập nhật đối với thủ tục kiểm tra chuyên ngành và gắn các sản phẩm, hàng hóa áp dụng thủ tục.

b) Các bộ, cơ quan kiểm tra, rà soát, đối chiếu với văn bản quy định quy định kinh doanh để đảm bảo tính đầy đủ, chính xác của dữ liệu quy định kinh doanh đã được cập nhật, lưu trình lãnh đạo duyệt nội dung đã cập nhật. Nhóm lãnh đạo vào chức duyệt cập nhật quy định để duyệt đăng tải công khai trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh theo quy định nếu thông tin dữ

liệu đã được cập nhật đầy đủ, chính xác hoặc từ chối duyệt công khai nếu dữ liệu cập nhật chưa đáp ứng yêu cầu.

2. Cập nhật quy định kinh doanh được sửa đổi, bổ sung:

a) Bộ, cơ quan cập nhật quy định kinh doanh tìm và thêm vào danh sách các quy định kinh doanh cần sửa đổi, bổ sung đã được cập nhật và đăng tải công khai; chọn chức năng sửa đổi, bổ sung và lưu quy định kinh doanh theo nội dung được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại văn bản quy định quy định kinh doanh. Riêng đối với thủ tục hành chính và thủ tục kiểm tra chuyên ngành được sửa đổi bổ sung, bộ, cơ quan thực hiện tìm và đồng bộ thủ tục hành chính cần sửa đổi, bổ sung đã được cập nhật, đăng tải công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính về Công tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh. Đối với thủ tục kiểm tra chuyên ngành, bộ, cơ quan cập nhật lại sản phẩm, hàng hóa áp dụng thủ tục nếu có thay đổi trước khi lưu và duyệt đăng tải công khai.

b) Các bộ, cơ quan kiểm tra, rà soát, đối chiếu với văn bản quy định quy định kinh doanh để đảm bảo tính đầy đủ, chính xác của dữ liệu quy định kinh doanh đã được cập nhật và thực hiện đăng tải công khai trên Công tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh.

3. Cập nhật quy định kinh doanh được bãi bỏ:

Bộ, cơ quan cập nhật quy định kinh doanh tìm và thêm vào danh sách các quy định kinh doanh cần thực hiện bãi bỏ, đăng tải công khai quy định được bãi bỏ trên Công tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh. Riêng đối với thủ tục hành chính và thủ tục kiểm tra chuyên ngành đã được bãi bỏ trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, thông tin về thủ tục hành chính và thủ tục kiểm tra chuyên ngành được bãi bỏ sau khi thủ tục được đồng bộ từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính về Công tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh.

Điều 18. Cập nhật, tham vấn quy định dự kiến ban hành

1. Cập nhật quy định kinh doanh dự kiến ban hành:

a) Đối với quy định kinh doanh dự kiến ban hành mới, bộ, cơ quan thực hiện thêm mới quy định kinh doanh dự kiến ban hành, cập nhật nội dung và lưu quy định kinh doanh dự kiến ban hành mới theo nội dung được quy định tại dự thảo văn bản quy định quy định kinh doanh.

b) Đối với quy định kinh doanh dự kiến sửa đổi, bổ sung, bộ, cơ quan cập nhật quy định kinh doanh tìm và thêm vào danh sách các quy định kinh doanh hiện hành cần sửa đổi, bổ sung đã cập nhật và công khai; thực hiện sửa đổi, bổ sung và lưu quy định kinh doanh theo nội dung được sửa đổi, bổ sung tại văn bản quy định quy định kinh doanh.

c) Đối với quy định kinh doanh dự kiến bãi bỏ, bộ, cơ quan cập nhật quy định kinh doanh dự kiến bãi bỏ tìm và thêm vào danh sách các quy định kinh doanh dự kiến bãi bỏ trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh.

2. Các bộ, cơ quan kiểm tra, rà soát, đối chiếu với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có chứa quy định kinh doanh để đảm bảo tính đầy đủ, chính xác của dữ liệu quy định kinh doanh dự kiến ban hành được cập nhật để đăng tải công khai trước khi thực hiện tham vấn lấy ý kiến quy định kinh doanh dự kiến ban hành trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh.

3. Đối với các quy định kinh doanh dự kiến ban hành, thời điểm công khai tham vấn ý kiến của các đối tượng chịu sự tác động cùng với thời điểm các bộ, cơ quan đăng tải lấy ý kiến nhân dân về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Nội dung tham vấn gồm toàn bộ các quy định kinh doanh và kèm theo toàn văn dự thảo văn bản, tài liệu có liên quan.

Điều 19. Rà soát, tính chi phí tuân thủ, xây dựng phương án cắt giảm, đơn giản hoá quy định kinh doanh.

1. Bộ, cơ quan xây dựng phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh thực hiện rà soát, tính chi phí tuân thủ quy định kinh doanh hiện hành trong văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh, gửi lấy ý kiến các đối tượng liên quan về phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh trong thời gian tối thiểu 30 ngày trước khi trình Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ, cơ quan rà soát quy định kinh doanh hiện hành tìm và thêm vào danh sách các quy định kinh doanh hiện hành cần rà soát đã cập nhật và công khai; thực hiện rà soát và tính chi phí tuân thủ sau rà soát theo biểu mẫu rà soát và biểu tính chi phí tuân thủ; lưu quy định kinh doanh đã được rà soát và tính chi phí tuân thủ sau rà soát.

3. Bộ, cơ quan tổng hợp phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh, thực hiện phê duyệt để đưa vào tham vấn phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

4. Bộ, cơ quan hoàn thiện phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh, dự thảo Quyết định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa.

5. Văn phòng Chính phủ, Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ, các hiệp hội, doanh nghiệp sử dụng chức năng rà soát độc lập quy định kinh doanh hiện hành để phản biện, góp ý đối với phương án cắt

giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh hoặc gửi đề xuất, sáng kiến cải cách quy định kinh doanh tới các bộ, cơ quan.

Điều 20. Cập nhật, đăng tải công khai phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt

1. Bộ, cơ quan trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh, thực hiện cập nhật Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày phương án được phê duyệt vào Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh để theo dõi quá trình thực thi phương án.

2. Cập nhật phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh:

a) Đối với phương án dự kiến ban hành mới quy định kinh doanh, bộ, cơ quan thực hiện thêm mới quy định kinh doanh dự kiến ban hành mới, cập nhật nội dung và lưu quy định kinh doanh dự kiến ban hành mới theo nội dung được quy định tại phương án.

b) Đối với phương án dự kiến sửa đổi, bổ sung quy định kinh doanh, bộ, cơ quan cập nhật quy định kinh doanh tìm và thêm vào danh sách các quy định kinh doanh dự kiến sửa đổi, bổ sung đã cập nhật và công khai; thực hiện sửa đổi, bổ sung và lưu quy định kinh doanh theo nội dung dự kiến sửa đổi, bổ sung tại phương án.

c) Đối với phương án dự kiến bãi bỏ quy định kinh doanh, bộ, cơ quan cập nhật quy định kinh doanh dự kiến bãi bỏ tìm và thêm vào danh sách các quy định kinh doanh dự kiến bãi bỏ tại phương án.

3. Các bộ, cơ quan kiểm tra, rà soát, đối chiếu với phương án để đảm bảo tính đầy đủ, chính xác của dữ liệu quy định kinh doanh dự kiến ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, chọn hoàn thành cập nhật để công khai trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh; thực hiện theo dõi quá trình thực thi phương án cho đến khi hoàn thành việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực thi từng phương án trong Quyết định đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 21. Tham vấn quy định kinh doanh dự kiến ban hành và phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh

1. Sau khi hoàn thành cập nhật dữ liệu quy định kinh doanh dự kiến ban hành và dự thảo phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh theo quy định tại Điều 18 và Điều 20 Quyết định này, các bộ, cơ quan đăng nhập vào hệ thống quản trị Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh để tạo tham vấn về các quy định kinh doanh dự kiến ban hành, dự thảo phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh và gửi tham vấn các tổ chức, cá nhân (bao

gồm các doanh nghiệp, hiệp hội, chuyên gia...) thông qua chức năng của hệ thống.

Bộ, cơ quan theo dõi, quản lý các ý kiến góp ý của các cá nhân, tổ chức và phản hồi các ý kiến góp ý trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời gian lấy ý kiến. Nội dung phản hồi sẽ được thông báo cho các đối tượng được lấy ý kiến và đăng tải công khai tại hệ thống Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ. Thời hạn lấy ý kiến đối với dự thảo, dự án văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Các tổ chức, cá nhân đã được cấp tài khoản theo quy định tại Điều 11 Quyết định này đăng nhập Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh để cho ý kiến về các quy định kinh doanh dự kiến ban hành, dự thảo phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh do các bộ, cơ quan gửi lấy ý kiến; đánh giá nội dung phản hồi của các bộ, cơ quan.

3. Bộ, cơ quan tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cá nhân, tổ chức về quy định kinh doanh dự kiến ban hành và phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh trước khi trình cấp có thẩm quyền ban hành.

4. Văn phòng Chính phủ theo dõi, giám sát, đôn đốc việc tham vấn các tổ chức, cá nhân của các bộ, cơ quan; tổng hợp kết quả đánh giá của cá nhân, tổ chức về nội dung phản hồi của các bộ, cơ quan.

Điều 22. Quy trình gửi vướng mắc, đề xuất cải cách các quy định kinh doanh

1. Các tổ chức, cá nhân đã được cấp tài khoản theo quy định tại Điều 11 Quyết định này đăng nhập Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh để tạo và gửi các vướng mắc, đề xuất cải cách quy định kinh doanh trên Hệ thống; đánh giá nội dung phản hồi của các bộ, cơ quan.

2. Các bộ, cơ quan có trách nhiệm tiếp nhận, tổng hợp, tiếp thu, giải trình đối với các vướng mắc, đề xuất của cá nhân, tổ chức về cải cách quy định kinh doanh trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và xây dựng phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh.

3. Trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày các vướng mắc, đề xuất được gửi trên hệ thống, Văn phòng Chính phủ và bộ, cơ quan có trách nhiệm công khai vướng mắc, đề xuất của cá nhân, tổ chức. Kể từ khi hết thời gian công khai lấy ý kiến về vướng mắc, đề xuất, trong vòng 10 ngày làm việc, bộ, cơ quan phản hồi các vướng mắc, đề xuất của cá nhân, tổ chức.

Trong trường hợp vướng mắc, đề xuất liên quan đến nhiều bộ, cơ quan thì bộ, cơ quan chủ trì thực hiện lấy kiến các bộ, cơ quan liên quan trên hệ thống và

tổng hợp, phản hồi cho cá nhân, tổ chức. Các bộ, cơ quan được gửi xin ý kiến có trách nhiệm trả lời trong vòng 5 ngày làm việc.

4. Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan thực hiện việc kiểm duyệt, công khai các vướng mắc, đề xuất của tổ chức, cá nhân; theo dõi, giám sát, đôn đốc việc phản hồi của các bộ, cơ quan về các vướng mắc, đề xuất của cá nhân, tổ chức trên hệ thống; tổng hợp kết quả đánh giá của cá nhân, tổ chức về nội dung phản hồi của các bộ, cơ quan.

Điều 23. Mã định danh quy định kinh doanh

Mỗi quy định kinh doanh trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh được phân biệt duy nhất thông qua Mã định danh quy định kinh doanh. Cấu trúc Mã định danh quy định kinh doanh bao gồm:

1. Mã định danh của cơ quan, tổ chức theo quy định pháp luật.
2. Mã lĩnh vực, ngành nghề theo quy định pháp luật.
3. Loại quy định kinh doanh (Thủ tục hành chính; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; chế độ báo cáo; yêu cầu, điều kiện; thủ tục kiểm tra chuyên ngành; quy định cấm và quy định khác trong hoạt động kinh doanh).
4. Số thứ tự của quy định kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu quy định kinh doanh.

Điều 24. Tổng hợp thông tin, tình hình về quy định kinh doanh trên cơ sở dữ liệu và Cổng tham vấn quy định kinh doanh.

1. Việc tổng hợp, trích xuất thông tin, dữ liệu về tình hình, kết quả cập nhật, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quy định kinh doanh của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước được thực hiện tự động.
2. Văn phòng Chính phủ tổng hợp, trích xuất thông tin, dữ liệu về tình hình cập nhật các quy định kinh doanh trên cơ sở dữ liệu quy định kinh doanh của các bộ, cơ quan theo nhiều tiêu chí; tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát, tính chi phí tuân thủ cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh của các bộ, cơ quan.
3. Các bộ, cơ quan tổng hợp, trích xuất thông tin, dữ liệu về tình hình cập nhật các quy định kinh doanh trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình.

Chương IV

ĐÁNH GIÁ NỖ LỰC CẢI CÁCH QUY ĐỊNH KINH DOANH

Điều 25. Đánh giá nỗ lực cải cách quy định kinh doanh

1. Đánh giá nỗ lực cải cách quy định kinh doanh là việc sử dụng tổng điểm đánh giá theo Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá nỗ lực cải cách quy định

kinh doanh để phân loại, xếp hạng nỗ lực cải cách quy định kinh doanh của các bộ, cơ quan.

2. Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá nỗ lực cải cách quy định kinh doanh, gồm các chỉ số và chỉ tiêu thành phần sau:

a) Chỉ số công khai, minh bạch thông tin về quy định kinh doanh, gồm 4 chỉ số và chỉ tiêu thành phần:

- Cập nhật đúng hạn quy định kinh doanh hiện hành;
- Cập nhật đầy đủ, chính xác nội dung quy định kinh doanh hiện hành;
- Cập nhật đúng hạn quy định kinh doanh dự kiến ban hành;
- Cập nhật đúng hạn phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh.

b) Chỉ số kết quả cải cách quy định kinh doanh, gồm 07 chỉ số và chỉ tiêu thành phần:

- Cắt giảm, đơn giản hóa số quy định kinh doanh hiện hành;
- Cắt giảm chi phí tuân thủ quy định kinh doanh hiện hành;
- Đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh;
- Tham vấn quy định kinh doanh dự kiến ban hành;
- Tham vấn phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh;
- Phản hồi ý kiến góp ý của doanh nghiệp, người dân;
- Đồng thuận của doanh nghiệp, người dân về phản hồi của cơ quan nhà nước.

c) Chỉ số mức độ hài lòng về quy định kinh doanh, gồm 2 chỉ số và chỉ tiêu thành phần:

- Mức độ hài lòng về quy định kinh doanh hiện hành;
- Mức độ hài lòng về quy định kinh doanh dự kiến ban hành;

d) Các chỉ số khác theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 26. Đối tượng, dữ liệu và thời gian đánh giá

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam là đối tượng được đánh giá nỗ lực cải cách quy định kinh doanh.

2. Việc đánh giá nỗ lực cải cách quy định kinh doanh được dựa trên dữ liệu trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh và các cơ sở dữ liệu khác liên quan kết nối với Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh; được thực hiện theo thời gian thực, điểm đánh giá trong tháng, quý, năm là điểm đánh giá tại ngày cuối cùng của tháng, quý, năm.

Điều 27. Xử lý, tổng hợp số liệu và kết quả đánh giá

1. Việc xử lý số liệu và tổng hợp số liệu đánh giá được thực hiện trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh theo quy định tại Phụ lục của Quyết định này.
2. Kết quả đánh giá được công bố, đăng tải công khai thường xuyên, định kỳ theo tháng, quý, năm trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh.
3. Người đứng đầu bộ, cơ quan chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá nỗ lực cải cách quy định kinh doanh của bộ, cơ quan.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Trách nhiệm của Văn phòng Chính phủ

1. Văn phòng Chính phủ là cơ quan chủ quản Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh.
2. Chủ trì xây dựng, nâng cấp, quản lý, vận hành, theo dõi và hướng dẫn việc khai thác, sử dụng Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh, bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu.
3. Đôn đốc các bộ, cơ quan thống kê, cập nhật, đăng tải công khai thông tin dữ liệu về quy định kinh doanh hiện hành và quy định kinh doanh dự kiến ban hành, phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đối tượng tuân thủ thực tế thuộc ngành, lĩnh vực quản lý và ý kiến tiếp thu, giải trình, trả lời của các bộ, cơ quan trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh.
4. Nghiên cứu đề xuất với Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, cơ quan có giải pháp kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc do quy định gây ra để tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức.
5. Hướng dẫn, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh với các cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin khác có liên quan quy định tại khoản 6 Điều 4 Quyết định này.
6. Đôn đốc các bộ, cơ quan rà soát, đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh và thực thi các phương án ngay sau khi được Thủ tướng phê duyệt.
7. Tổ chức hướng dẫn, đánh giá, công bố và công khai kết quả đánh giá chất lượng cải cách quy định kinh doanh của các bộ, cơ quan trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh.

8. Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ban Cơ yếu Chính phủ xây dựng phương án bảo đảm an toàn thông tin, giải pháp ứng cứu sự cố về an toàn thông tin, an ninh mạng cho Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh; xây dựng và thực hiện giải pháp giám sát an toàn hệ thống thông tin Cơ sở dữ liệu và Cổng tham vấn quy định kinh doanh.

9. Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan xây dựng, ban hành theo thẩm quyền quy định kỹ thuật về cấu trúc dữ liệu trao đổi giữa Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh với các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin khác.

10. Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan xây dựng, ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý, vận hành, sử dụng Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh.

11. Tổ chức làm việc, trao đổi, tọa đàm về những rào cản, vướng mắc, khó khăn trong thực thi các quy định kinh doanh hiện hành hoặc dự kiến ban hành với sự tham gia của các chuyên gia, nhà khoa học, lãnh đạo quản lý bộ, ngành, địa phương và hiệp hội, doanh nghiệp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét chỉ đạo tháo gỡ (nếu cần thiết).

Điều 29. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trực tiếp chỉ đạo các vụ, cục, đơn vị trực thuộc thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Cập nhật và đăng tải công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác danh mục dữ liệu dùng chung thuộc phạm vi chức năng quản lý của bộ, cơ quan (nếu dữ liệu dùng chung trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh chưa được cập nhật, công khai) theo quy định tại Điều 15 Quyết định này.

b) Cập nhật và đăng tải công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác những nội dung quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 14 Quyết định này theo quy định tại Điều 16, 17, 18, 19 và 20 Quyết định này; số lượng đối tượng tuân thủ thực tế thuộc ngành, lĩnh vực quản lý.

c) Kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Bộ, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh với Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh phục vụ tính toán chi phí tuân thủ và giảm thiểu việc cập nhật dữ liệu đã có trong các Cơ sở dữ liệu, Hệ thống thông tin.

d) Tham vấn các hiệp hội, doanh nghiệp, đối tượng chịu tác động đối với quy định kinh doanh dự kiến ban hành trong các dự án, dự thảo văn bản quy

phạm pháp luật và phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh theo quy định tại Điều 21 của Quyết định này.

đ) Rà soát, đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

g) Theo dõi và phản hồi ý kiến góp ý của các hiệp hội, doanh nghiệp, đối tượng chịu tác động; nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý; đề xuất giải pháp xử lý kịp thời những vướng mắc khó khăn do quy định thuộc phạm vi chức năng quản lý của bộ, ngành mình gây ra cho cá nhân, tổ chức; công khai ý kiến tiếp thu, giải trình của bộ, cơ quan mình trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh. Thời hạn công khai chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nhận được vướng mắc, đề xuất của tổ chức, cá nhân, hiệp hội, doanh nghiệp hoặc Văn phòng Chính phủ gửi đến.

h) Kịp thời ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý ngay sau khi được Thủ tướng phê duyệt.

i) Phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan kiểm chứng số lượng đối tượng tuân thủ thực tế hàng năm thuộc ngành, lĩnh vực quản lý.

2. Phân công đơn vị đầu mối thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan đơn đốc, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra các vụ, cục, đơn vị chuyên môn thuộc bộ, cơ quan thực hiện phân quyền người dùng tại bộ, cơ quan và các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này, định kỳ báo cáo Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan kết quả thực hiện.

3. Chỉ đạo tích hợp, kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh với Cổng thông tin điện tử, Cổng dịch vụ công cấp bộ, các cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin khác liên quan theo quy định của quyết định này. Ký số và chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính toàn vẹn, tính đầy đủ và tính kịp thời của các thông tin, dữ liệu về quy định kinh doanh, phương án cắt giảm và ý kiến tiếp thu, giải trình, trả lời của bộ, cơ quan mình được cập nhật, công khai trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh.

4. Chủ trì, phối hợp với Cổng Thông tin điện tử Chính phủ và các cơ quan, tổ chức liên quan tổ chức tọa đàm trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ về những quy định kinh doanh hiện hành và dự kiến ban hành được các hiệp hội, doanh nghiệp quan tâm, phản ánh có khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn.

Điều 30. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp

1. Kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật với Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh, bảo đảm thực hiện thông suốt, liên tục.

2. Nghiên cứu các ý kiến tham vấn, các phương án cắt giảm đơn giản hóa các quy định kinh doanh đăng tải trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh trong thực hiện nhiệm vụ thẩm định văn bản quy phạm pháp luật.

3. Phối hợp, hỗ trợ các bộ, cơ quan trong việc xây dựng chương trình xây dựng luật, pháp lệnh để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định kinh doanh theo chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ.

Điều 31. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu về doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể đăng ký kinh doanh; danh mục, hệ thống ngành kinh tế Việt Nam và các dữ liệu khác có liên quan khác với Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh.

Điều 32. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

Kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu về tiêu chuẩn, quy chuẩn; tổ chức, doanh nghiệp khoa học và công nghệ và các dữ liệu khác có liên quan khác với Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh.

Điều 33. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu về số lượng doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể nộp thuế nội địa và thuế xuất, nhập khẩu; danh mục hàng hoá xuất - nhập khẩu và các dữ liệu khác có liên quan khác với Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh.

Điều 34. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ xây dựng phương án bảo đảm an ninh mạng cho Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh; xây dựng và thực hiện giải pháp giám sát an ninh hệ thống thông tin Cơ sở dữ liệu và Cổng tham vấn quy định kinh doanh.

2. Đảm bảo an ninh cơ sở hạ tầng của Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh, xây dựng và thực hiện giải pháp giám sát an ninh hệ thống Cơ sở dữ liệu và Cổng tham vấn quy định kinh doanh.

Điều 35. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Bộ Công an, Ban Cơ yếu Chính phủ đảm bảo an ninh cơ sở hạ tầng của Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh, xây dựng và thực hiện giải pháp giám sát an ninh hệ thống Cơ sở dữ liệu và Cổng tham vấn quy định

kinh doanh.

Điều 36. Trách nhiệm của Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ

1. Nghiên cứu, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ các giải pháp thúc đẩy cải cách, cắt giảm các quy định để cải thiện môi trường kinh doanh.

2. Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trong việc tổ chức tham vấn các quy định thuộc phạm vi quản lý của các bộ, ngành.

3. Cho ý kiến về các phương án cải cách, cắt giảm các quy định do bộ, ngành đề xuất.

4. Hỗ trợ xây dựng năng lực cho các tổ chức thành viên, các hiệp hội, các doanh nghiệp để nghiên cứu, đóng góp ý kiến về quy định kinh doanh hiện hành và quy định kinh doanh dự kiến ban hành.

5. Tuyên truyền, vận động, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đóng góp ý kiến về quy định kinh doanh hiện hành và quy định kinh doanh dự kiến ban hành.

6. Hỗ trợ các doanh nghiệp, hiệp hội và các tổ chức thành viên kết nối, làm việc với các bộ, ngành, địa phương để phối hợp nghiên cứu, đề xuất giải quyết các vấn đề vướng mắc liên quan đến cơ chế chính sách về quy định kinh doanh.

7. Chủ trì, phối hợp với các hiệp hội, doanh nghiệp tính toán tổng chi phí tuân thủ các yêu cầu, điều kiện theo ngành, lĩnh vực và công khai trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh.

Điều 37. Trách nhiệm của các hiệp hội, doanh nghiệp tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Phối hợp với Văn phòng chính phủ trong việc tham vấn các quy định kinh doanh hiện hành, quy định kinh doanh dự kiến ban hành trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, vướng mắc, khó khăn, đề xuất, sáng kiến về quy định kinh doanh của các hiệp hội, doanh nghiệp.

2. Cung cấp nội dung, tài liệu, bằng chứng về những vướng mắc, khó khăn cũng như các đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa các quy định kinh doanh, ký số (đối với tổ chức) và chịu trách nhiệm về nội dung cung cấp này.

3. Phối hợp với Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ tính toán tổng chi phí tuân thủ các yêu cầu, điều kiện theo ngành, lĩnh vực.

Điều 38. Trách nhiệm của Ủy ban nhân nhân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Nghiên cứu, góp ý đối với các quy định dự kiến ban hành trong các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và các phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định kinh doanh khi các bộ, cơ quan gửi lấy ý kiến.

2. Kịp thời phản ánh, kiến nghị với các bộ, cơ quan về những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh tại địa phương mình.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 39. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2022.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị;
- Lưu: VT, KSTT (3).

THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

Phụ lục

CÁCH THỨC XỬ LÝ SỐ LIỆU VÀ TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NỖ LỰC CẢI CÁCH QUY ĐỊNH KINH DOANH

I. XỬ LÝ SỐ LIỆU

1. Chỉ số công khai, minh bạch thông tin về quy định kinh doanh, gồm 4 chỉ số thành phần sau:

a) Cập nhật đúng hạn quy định kinh doanh hiện hành:

*Tỉ lệ quy định kinh doanh hiện hành được cập nhật, công khai đúng hạn/Tổng số quy định kinh doanh Bộ, cơ quan cập nhật, công khai trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh quy định kinh doanh * 100% .*

Trong đó, số quy định kinh doanh hiện hành được cập nhật, công khai đúng hạn trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh là số quy định kinh doanh hiện hành được cập nhật, công khai trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh quy định kinh doanh theo thời gian quy định tại Điều 18 của Quyết định này. Thời gian cập nhật đúng hạn căn cứ vào ngày cập nhật, công khai dữ liệu quy định kinh doanh và ngày hiệu lực của quy định kinh doanh (yêu cầu cập nhật trước ngày văn bản quy định có hiệu lực nếu văn bản quy định có hiệu lực trước ngày ban hành; chậm nhất 3 ngày sau ngày hiệu lực của văn bản quy định nếu văn bản quy định có hiệu lực trùng với ngày ban hành văn bản).

Có “ngày cập nhật, công khai” trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh quy định kinh doanh \leq Ngày văn bản có hiệu lực thi hành;

Có “Ngày cập nhật, công khai” trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh \leq “Ngày văn bản có hiệu lực thi hành” + 3 ngày làm việc (đối với các văn bản có “Ngày ban hành” = “Ngày văn bản có hiệu lực thi hành”).

b) Cập nhật đầy đủ, chính xác nội dung quy định kinh doanh

*Tỉ lệ số quy định kinh doanh hiện hành được công khai đầy đủ, chính xác nội dung theo quy định/ Tổng số quy định kinh doanh đã cập nhật trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh quy định kinh doanh * 100%*

Trong đó, số quy định quy định kinh doanh hiện hành được công khai đầy đủ, chính xác nội dung theo quy định = [Số quy định kinh doanh bộ, cơ quan đã cập nhật, công khai trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh quy định kinh doanh – Số ý kiến góp ý của người dân, doanh nghiệp về việc cập nhật không chính xác, không kịp thời]

Hệ thống cần bổ sung chức năng thu thập, tổng hợp ý kiến góp ý về việc cập nhật không chính xác, không kịp thời (chức năng của Văn phòng Chính phủ và chức năng tham vấn Hiệp hội, doanh nghiệp). Khi chưa có chức năng thì đề thang điểm tối đa.

c) Cập nhật đúng hạn các quy định kinh doanh dự kiến ban hành

*Tỉ lệ quy định kinh doanh dự kiến ban hành được cập nhật, công khai đúng hạn/ Tổng số quy định kinh doanh dự kiến ban hành đã cập nhật, công khai trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh * 100%*

Trong đó, số quy định kinh doanh dự kiến ban hành được cập nhật, công khai đúng hạn trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh là số quy định kinh doanh dự kiến ban hành hành được cập nhật, công khai trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh trong khoảng thời gian theo quy định tại Điều 19 của Quyết định này. Thời gian cập nhật đúng hạn căn cứ vào ngày cập nhật, công khai dữ liệu quy định kinh doanh dự kiến ban hành và ngày phê duyệt của lãnh đạo bộ, cơ quan gửi đi lấy ý kiến toàn văn dự thảo văn bản quy định quy định kinh doanh.

Có “Ngày cập nhật, công khai” trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh \leq “Ngày phê duyệt văn bản gửi đi lấy ý kiến” + 3 ngày làm việc

Đối với Bộ, Cơ quan không có quy định kinh doanh dự kiến ban hành, điểm cập nhật đúng hạn quy định kinh doanh dự kiến ban hành tính điểm trung bình.

d) Cập nhật đúng hạn phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh

*Tỷ lệ số phương án kiến nghị cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh hiện hành cập nhật đúng hạn/Tổng số quy định kinh doanh hiện hành có phương án cắt giảm, đơn giản hóa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (tính theo năm) * 100%*

Trong đó, mỗi phương án kiến nghị cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh hiện hành tương ứng với một quy định kinh doanh hiện hành có phương án cắt giảm, đơn giản hóa.

Số phương án kiến nghị cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh hiện hành được cập nhật, công khai đúng hạn trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh là số phương án kiến nghị cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh hiện hành đã được TTCP phê duyệt được cập nhật, công khai trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh trong khoảng thời gian theo quy định tại Điều 21 của Quyết định này. Thời gian cập nhật đúng hạn căn cứ vào ngày cập nhật, công khai phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và ngày Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án.

Ngày cập nhật trạng thái đã duyệt phương án trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh \leq Ngày TTCP phê duyệt + 3 ngày làm việc

Đối với Bộ, Cơ quan không có phương án cắt giảm, đơn giản hóa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, điểm cập nhật đúng hạn phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh tính điểm trung bình.

2. Chỉ số kết quả cải cách quy định kinh doanh, gồm 7 chỉ số thành phần sau:

a) Cắt giảm, đơn giản hóa số quy định kinh doanh hiện hành

*Tỷ lệ số quy định kinh doanh đã thực thi cắt giảm, đơn giản hóa trong năm tại thời điểm hiện tại/ Tổng số quy định kinh doanh hiện hành của Bộ, cơ quan được yêu cầu cắt giảm trong năm *100%*

Trong đó, số quy định kinh doanh đã thực thi cắt giảm, đơn giản hóa = [số quy định kinh doanh bãi bỏ + số quy định kinh doanh sửa đổi, bổ sung (quy định có chi phí tuân thủ thấp hơn quy định được sửa đổi, bổ sung) – số quy định được ban hành mới]

Tổng số quy định kinh doanh hiện hành của bộ, cơ quan được yêu cầu cắt giảm, đơn giản hóa = Tỷ lệ cắt giảm theo yêu cầu của Chính phủ (10%) x Tổng số quy định kinh doanh hiện hành của bộ, cơ quan đã cập nhật trên CSDL và CTV quy định kinh doanh trong năm trước.

b) Cắt giảm chi phí tuân thủ quy định kinh doanh hiện hành

*Tỷ lệ CPTT quy định kinh doanh đã thực thi cắt giảm trong năm tại thời điểm hiện tại/ Tổng CPTT quy định kinh doanh hiện hành của bộ, cơ quan được yêu cầu cắt giảm trong năm*100%*

Trong đó, Tổng CPTT quy định kinh doanh hiện hành đã thực thi cắt giảm, đơn giản hóa trong năm tại thời điểm hiện tại (= Tổng CPTT của các quy định bị bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung – CPTT của quy định được ban hành mới).

Tổng CPTT quy định kinh doanh hiện hành của bộ, cơ quan được yêu cầu cắt giảm, đơn giản hóa trong năm = Tỷ lệ cắt giảm theo yêu cầu của Chính phủ (10%) x Tổng CPTT quy định kinh doanh hiện hành của bộ, cơ quan đã cập nhật trên CSDL và CTV quy định kinh doanh trong năm trước.

c) Đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh

*Tỷ lệ số phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh hiện hành của bộ, cơ quan được TTCP phê duyệt/ Tổng số quy định kinh doanh hiện hành của bộ, cơ quan được yêu cầu cắt giảm, đơn giản hóa *100%*

Trong đó, số phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh hiện hành của bộ, cơ quan được TTCP phê duyệt = số quy định kinh doanh hiện hành có phương án cắt giảm, đơn giản hóa được TTCP phê duyệt.

Tổng số quy định kinh doanh hiện hành của bộ, cơ quan được yêu cầu cắt giảm, đơn giản hóa = Tỷ lệ cắt giảm theo yêu cầu của Chính phủ (10%) x Tổng số quy định kinh doanh hiện hành của bộ, cơ quan đã cập nhật trên CSDL và CTV quy định kinh doanh trong năm trước.

d) Tham vấn quy định kinh doanh dự kiến ban hành

*Tỷ lệ số quy định kinh doanh dự kiến ban hành được bộ, cơ quan tham vấn trên Công tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh / Tổng số quy định kinh doanh dự kiến ban hành thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan đã cập nhật trên Công tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh * 100%*

Tổng số quy định kinh doanh dự kiến ban hành được bộ, cơ quan tham vấn trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh là tổng số quy định kinh doanh dự kiến ban hành có tham vấn thuộc loại “Tham vấn quy định dự kiến ban hành”.

e) Tham vấn phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh

*Tỷ lệ số phương án cắt giảm, đơn giản hóa được bộ, cơ quan tham vấn trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh / Tổng số quy định kinh doanh hiện hành thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan đã cập nhật trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh * 100%*

Số phương án cắt giảm, đơn giản hóa được bộ, cơ quan tham vấn trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh là tổng số QĐKD có tham vấn thuộc loại “Tham vấn phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh”.

g) Phản hồi ý kiến góp ý của doanh nghiệp, người dân:

Tỷ lệ số phản hồi của bộ, cơ quan/ Tổng số ý kiến, góp ý của doanh nghiệp, người dân

Trong đó, số phản hồi của bộ, cơ quan là số ý kiến trả lời của bộ, cơ quan đối với ý kiến hay góp ý trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh.

h) Đồng tình của doanh nghiệp, người dân đối với phản hồi của cơ quan nhà nước

Tỷ lệ trung bình đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp, người dân về phản hồi của cơ quan nhà nước tính theo số sao đánh giá của doanh nghiệp, người dân đối với phản hồi của bộ, cơ quan.

Người dân, doanh nghiệp đánh giá phản hồi theo 5 mức độ hài lòng theo thang điểm từ 1-5 (sao)

Điểm trung bình đánh giá mức độ hài lòng đối với phản hồi của bộ, cơ quan = Tổng số sao đánh giá đối với phản hồi của bộ, cơ quan / Số lượng đánh giá đối với phản hồi của bộ, cơ quan.

Với những phản hồi của bộ, cơ quan không có đánh giá của doanh nghiệp, người dân hoặc bộ, cơ quan không có quy định kinh doanh thì tính điểm trung bình đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp, người dân = 2,5

3. Chỉ số về mức độ hài lòng về chất lượng quy định kinh doanh

a) Mức độ hài lòng về quy định kinh doanh hiện hành:

Tỷ lệ trung bình đánh giá mức độ hài lòng đối với quy định kinh doanh hiện hành = Tổng số điểm hài lòng đối với quy định kinh doanh / Tổng số quy định kinh doanh bộ, cơ quan cập nhật, công khai trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh * 100%

Điểm hài lòng đối với một quy định kinh doanh có vướng mắc, đề xuất là 0 điểm; điểm hài lòng đối với một quy định kinh doanh không có vướng mắc, đề xuất là 5 điểm.

b) Mức độ hài lòng về quy định kinh doanh dự kiến ban hành

*Tỷ lệ trung bình đánh giá mức độ hài lòng quy định kinh doanh dự kiến ban hành = Điểm trung bình đánh giá mức độ hài lòng với quy định kinh doanh dự kiến ban hành của bộ, cơ quan * 100%*

Người dân, doanh nghiệp đánh giá mức độ hài lòng đối với một quy định kinh doanh dự kiến ban hành theo mức điểm từ 1 đến 5 (Mức 1 – Mức 5)

Điểm trung bình đánh giá mức độ hài lòng đối với một quy định kinh doanh dự kiến ban hành = Điểm đánh giá hài lòng với quy định kinh doanh dự kiến ban hành / Số lượng mức đánh giá hài lòng đối với một quy định kinh doanh dự kiến ban hành.

Điểm trung bình mức độ hài lòng với quy định kinh doanh dự kiến ban hành của bộ, cơ quan = Tổng điểm trung bình mức độ hài lòng đối với quy định kinh doanh dự kiến ban hành của bộ, cơ quan / Tổng số quy định kinh doanh dự kiến ban hành của bộ, cơ quan.

Với những quy định kinh doanh dự kiến ban hành không có đánh giá thì điểm trung bình đánh giá mức độ hài lòng đối với quy định dự kiến ban hành là 5.

II. TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Việc tổng hợp kết quả đánh giá chất lượng quản trị công trong cải cách quy định kinh doanh được thực hiện trên cơ sở tổng hợp đánh giá điểm số của các chỉ số mà bộ, cơ quan đạt được. Cụ thể như sau:

a) Chỉ số chỉ được tính điểm khi kết quả thực hiện của bộ, cơ quan vượt qua ngưỡng tối thiểu.

b) Cách tính điểm đối với từng chỉ số:

Điểm chỉ số thứ i = Tỷ lệ đạt được của chỉ số thứ i của bộ, cơ quan * Mức điểm tối đa của chỉ số thứ i.

Đối với mỗi chỉ số vượt mức điểm tối đa được cộng thêm 1 điểm.

Đối với mỗi chỉ số khi chưa có dữ liệu để tính điểm thì tính mức điểm tối đa.

c) Tổng điểm của bộ, ngành, địa phương là tổng điểm của các chỉ số.

TT	Chỉ số	Ngưỡng tối thiểu	Điểm tối đa
Chỉ số về công khai, minh bạch quy định kinh doanh			30
01	Cập nhật đúng hạn quy định kinh doanh hiện hành	70%	10
02	Cập nhật đầy đủ, chính xác nội dung quy định kinh doanh hiện hành	70%	5
03	Cập nhật đúng hạn quy định kinh doanh dự kiến ban hành	70%	10
04	Cập nhật đúng hạn phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh	70%	5
Chỉ số đánh giá nỗ lực cải cách quy định kinh doanh			60
01	Cắt giảm, đơn giản hóa số quy định kinh doanh hiện hành	50%	10
02	Cắt giảm chi phí tuân thủ quy định kinh doanh hiện hành	50%	10
03	Đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh	50%	10
04	Tham vấn quy định kinh doanh dự kiến ban hành	50%	10
05	Tham vấn phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh	50%	10
06	Phản hồi ý kiến góp ý của doanh nghiệp, người dân	50%	5
07	Đồng tình của doanh nghiệp, người dân về phản hồi của cơ quan nhà nước	50%	5
Chỉ số đánh giá mức độ hài lòng về chất lượng quy định kinh doanh			10

01	Mức độ hài lòng về quy định kinh doanh hiện hành	50%	5
02	Mức độ hài lòng về quy định kinh doanh dự kiến ban hành	50%	5